



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4403000108
3800311306

ngày 01 tháng 01 năm 2008
ngày 16 tháng 03 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 16 tháng 03 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Nguyễn Anh Vũ
Ông Lê Quốc Vũ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 23 tháng 4 năm 2016)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2016)

Ông Lưu Ngọc Mai Phi

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Đinh Văn Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm và cho kỳ sáu tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-255-HN/01



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		699.880.129.741	715.984.468.655
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	59.452.797.617	157.626.036.758
Tiền	111		26.726.733.486	21.381.341.984
Các khoản tương đương tiền	112		32.726.064.131	136.244.694.774
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		481.003.572.805	441.352.656.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	481.003.572.805	441.352.656.116
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.034.762.546	104.532.810.450
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	92.667.806.550	63.902.619.680
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.159.840.004	2.859.566.687
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		203.000.000	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	58.331.010.728	45.894.518.819
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.326.894.736)	(8.326.894.736)
Hàng tồn kho	140	10	9.790.146.722	9.706.119.232
Hàng tồn kho	141		9.790.146.722	9.706.119.232
Tài sản ngắn hạn khác	150		598.850.051	2.766.846.099
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.513.812	75.465.262
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		438.336.239	2.691.380.837
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		825.008.789.950	929.605.024.845
Các khoản phải thu dài hạn	210		812.000.000	1.015.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		812.000.000	1.015.000.000
Tài sản cố định	220		703.231.278.133	760.991.752.807
Tài sản cố định hữu hình	221	11	685.174.050.112	742.637.939.266
Nguyên giá	222		2.499.829.240.348	2.492.515.988.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.814.655.190.236)	(1.749.878.049.462)
Tài sản cố định vô hình	227	12	18.057.228.021	18.353.813.541
Nguyên giá	228		22.600.843.910	22.600.843.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.543.615.889)	(4.247.030.369)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.838.713.434	1.128.628.795
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.838.713.434	1.128.628.795
Đầu tư tài chính dài hạn	250		115.195.236.689	162.536.501.290
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(b)	23.348.452.858	18.300.846.972
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(59.013.216.169)	(17.308.595.704)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	-	10.684.250.022
Tài sản dài hạn khác	260		3.931.561.694	3.933.141.953
Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.088.126.248	1.076.126.248
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.718.893.553	2.732.473.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.524.888.919.691	1.645.589.493.500
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		583.224.655.505	551.135.715.761
Nợ ngắn hạn	310		220.765.274.008	174.365.946.792
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.022.053.514	24.252.397.446
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.438.000	18.438.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	14.780.685.263	15.367.543.632
Phải trả người lao động	314		8.295.796.289	19.949.207.506
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.569.057.392	7.887.057.647
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.004.092.860	20.469.731.231
Vay ngắn hạn	320	18(a)	140.036.625.942	74.278.140.072
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	16.038.524.748	12.143.431.258
Nợ dài hạn	330		362.459.381.497	376.769.768.969
Vay dài hạn	338	18(b)	358.761.284.829	373.050.092.551
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		59.483.200	59.483.200
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.895.461.625	1.917.041.375
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.743.151.843	1.743.151.843

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		941.664.264.186	1.094.453.777.739
Vốn chủ sở hữu	410	20	941.664.264.186	1.094.453.777.739
Vốn cổ phần	411	21	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418		92.005.418.983	71.796.710.583
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.446.723.483	227.640.629.136
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.560.303.815	18.661.272.693
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.886.419.668	208.979.356.443
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		40.757.753.629	38.562.069.929
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.524.888.919.691	1.645.589.493.500

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	201.131.681.212	334.418.212.520
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	113.856.331.790	141.889.190.612
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		87.275.349.422	192.529.021.908
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	20.179.965.306	13.301.449.652
Chi phí tài chính	22	27	61.779.267.432	13.421.345.831
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.074.646.967	13.421.345.831
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	24		(57.472.025)	113.683.425
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.554.829.822	23.383.994.770
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		34.063.745.449	169.138.814.384
Thu nhập khác	31		790.909.091	5.454.546
Chi phí khác	32		8.724.000	2.500.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		782.185.091	2.954.546
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.845.930.540	169.141.768.930
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.677.191.004	36.464.228.951
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(12.000.000)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.180.739.536	132.677.539.979
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		27.886.419.668	131.257.846.566
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.294.319.868	1.419.693.413
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	398	1.875

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		34.845.930.540	169.141.768.930
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		66.969.956.415	69.797.938.158
Các khoản dự phòng	03		41.704.620.465	11.838.098.122
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(17.241.061.815)	(13.301.449.652)
Lỗ/(lãi) trong công ty liên kết	05		57.472.025	(113.683.425)
Chi phí lãi vay	06		20.074.646.967	13.421.345.831
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		146.411.564.597	250.784.017.964
Biến động các khoản phải thu	09		(31.500.352.018)	(59.928.029.812)
Biến động hàng tồn kho	10		(70.447.231)	(264.203.261)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(17.738.153.143)	(2.821.590.059)
Biến động chi phí trả trước	12		(85.048.550)	(1.916.822.335)
			97.017.563.655	185.853.372.497
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.934.212.380)	(21.380.152.668)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.204.117.290)	(48.550.196.094)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.103.181.092)	(1.740.119.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.776.052.893	114.182.904.135

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.919.566.380)	(58.527.118.687)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		529.090.909	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(60.684.250.022)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		35.495.583.355	34.938.374.470
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết	25		(5.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		2.388.415.426	8.051.092.183
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.190.726.712)	(17.537.652.034)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		266.673.587.084	251.287.667.675
Tiền trả nợ gốc vay	34		(215.203.908.936)	(170.118.848.036)
Tiền trả cổ tức	36		(175.228.243.470)	(173.296.493.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(123.758.565.322)	(92.127.673.861)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(98.173.239.141)	4.517.578.240
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		157.626.036.758	188.495.115.029
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	59.452.797.617	193.012.693.269

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp. Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2016: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Loại hình	Phần trăm vốn sở hữu tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thủy điện	61,52%	61,52%	61,52%	61,52%
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có 183 nhân viên (1/1/2016: 184 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Các công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn), sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 10 đến 50 năm.

(ii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Nhóm Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Nhóm Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp và chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất này.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được lập trên trên các báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm/kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm/kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.159.251.316	1.984.754.629
Tiền gửi ngân hàng	25.567.482.170	19.396.587.355
Các khoản tương đương tiền	32.726.064.131	136.244.694.774
	<hr/>	<hr/>
	59.452.797.617	157.626.036.758
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	481.003.572.805	441.352.656.116
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	10.684.250.022
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 182.048 triệu VND (1/1/2016: 159.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18(a)).

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết và đơn vị khác

	30/6/2016				1/1/2016					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:										
Công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (*)	2.140.000	20%	20%	21.699.458.918	-	-	20%	16.569.149.169	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ (*)	140.000	35%	35%	1.648.993.940	-	-	35%	1.731.697.803	-	-
				23.348.452.858				18.300.846.972		
Đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (*)	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(17.308.595.704)	
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai (*)	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	-	10%	1.280.000.000	-	-
				150.860.000.000	(59.013.216.169)	(59.013.216.169)		150.860.000.000	(17.308.595.704)	
				174.208.452.858	(59.013.216.169)	(59.013.216.169)		169.160.846.972	(17.308.595.704)	

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	18.300.846.972
Tăng trong kỳ	5.000.000.000
Lỗ từ đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ	(57.472.025)
Điều chỉnh lợi nhuận liên quan tới kỳ trước	105.077.911
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	23.348.452.858
	<hr/>

Biến động dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	17.308.595.704
Tăng trong kỳ	41.704.620.465
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	59.013.216.169
	<hr/>

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Mua bán điện	81.225.775.902	46.337.756.103
Các khách hàng khác	11.442.030.648	17.564.863.577
	<hr/>	<hr/>
	92.667.806.550	63.902.619.680
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện	81.225.775.902	46.337.756.103
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	5.029.701.108	4.506.856.863
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.970.254.381	10.236.337.822

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên quan		
Phải thu Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	27.414.662.678	26.865.228.573
Các bên thứ ba		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	18.372.306.032	7.623.750.552
Các khoản phải thu khác	12.544.042.018	11.405.539.694
	58.331.010.728	45.894.518.819

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.335.389.427	1.423.812.415
Công cụ và dụng cụ	115.375.939	99.275.704
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.339.381.356	8.183.031.113
	9.790.146.722	9.706.119.232

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.757.526.912.216	605.402.273.998	119.607.449.687	9.979.352.827	2.492.515.988.728
Tăng trong kỳ	280.201.565	1.017.565.975	-	-	1.297.767.540
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.911.714.201	-	-	-	7.911.714.201
Thanh lý	-	(506.468.800)	(1.389.761.321)	-	(1.896.230.121)
Số dư cuối kỳ	1.765.718.827.982	605.913.371.173	118.217.688.366	9.979.352.827	2.499.829.240.348
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.028.832.462.927	597.203.451.693	114.740.714.317	9.101.420.525	1.749.878.049.462
Khấu hao trong kỳ	65.543.708.459	641.275.560	330.049.598	158.337.278	66.673.370.895
Thanh lý	-	(506.468.800)	(1.389.761.321)	-	(1.896.230.121)
Số dư cuối kỳ	1.094.376.171.386	597.338.258.453	113.681.002.594	9.259.757.803	1.814.655.190.236
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	728.694.449.289	8.198.822.305	4.866.735.370	877.932.302	742.637.939.266
Số dư cuối kỳ	671.342.656.596	8.575.112.720	4.536.685.772	719.595.024	685.174.050.112

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 796.915 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 798.811 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 257.652 triệu VND (1/1/2016: 405.747 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18(b)).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	20.531.643.910	2.000.000.000	69.200.000	22.600.843.910
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.177.830.369	2.000.000.000	69.200.000	4.247.030.369
Khấu hao trong kỳ	296.585.520	-	-	296.585.520
Số dư cuối kỳ	2.474.415.889	2.000.000.000	69.200.000	4.543.615.889
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	18.353.813.541	-	-	18.353.813.541
Số dư cuối kỳ	18.057.228.021	-	-	18.057.228.021

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.069 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 2.069 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.128.628.795
Tăng trong kỳ	8.621.798.840
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.911.714.201)
Số dư cuối kỳ	1.838.713.434

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 505 – Chi nhánh 515	7.072.836.822	10.072.880.572
Các nhà cung cấp khác	8.949.216.692	14.179.516.874
	16.022.053.514	24.252.397.446

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã cân trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.238.641.005	15.120.778.446	(12.127.051.383)	4.232.368.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.049.145.125	4.677.191.004	(10.204.117.290)	4.522.218.839
Thuế thu nhập cá nhân	11.918.005	2.409.635.690	(2.411.414.219)	10.139.476
Thuế tài nguyên	2.339.545.697	15.190.438.229	(14.607.525.056)	2.922.458.870
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.728.293.800	4.675.371.200	(3.310.164.990)	3.093.500.010
Các loại thuế khác	-	52.184.000	(52.184.000)	-
	15.367.543.632	42.125.598.569	(42.712.456.938)	14.780.685.263

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.027.492.234	7.887.057.647
Chi phí sửa chữa lớn	541.565.158	-
	<hr/>	<hr/>
	8.569.057.392	7.887.057.647
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả	12.979.690.843	13.207.934.313
Các khoản phải trả khác	4.024.402.017	7.261.796.918
	<hr/>	<hr/>
	17.004.092.860	20.469.731.231
	<hr/>	<hr/>

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2016 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 30/6/2016 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	30.350.025.691	258.963.599.284	(191.289.259.054)	98.024.365.921
Vay dài hạn đến hạn trả	43.928.114.381	21.998.795.522	(23.914.649.882)	42.012.260.021
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	74.278.140.072	280.962.394.806	(215.203.908.936)	140.036.625.942
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay có đảm bảo		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	VND 98.024.365.921	30.350.025.691

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 182.048 triệu VND (1/1/2016: 159.000 triệu VND) (Thuyết minh 7(a)).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	400.773.544.850	416.978.206.932
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(42.012.260.021)	(43.928.114.381)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	358.761.284.829	373.050.092.551

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay có đảm bảo			
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	VND 2021	214.579.000.000	227.079.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	VND 2024	28.500.000.000	30.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. HCM	VND 2024	149.969.888.074	149.969.888.074
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	VND 2021	7.724.656.776	-
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	VND 2016	-	9.929.318.858
		400.773.544.850	416.978.206.932

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 257.652 triệu VND (1/1/2016: 405.747 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	12.143.431.258
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	8.075.331.000
Sử dụng trong kỳ	(4.180.237.510)
Số dư cuối kỳ	<hr/> <u>16.038.524.748</u> <hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	700.000.000.000	56.454.368.091	29.226.057.428	(170.802.403)	245.211.093.878	35.399.258.627	1.066.119.975.621
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	131.257.846.566	1.419.693.413	132.677.539.979
Phân bổ vào các quỹ	-	-	42.530.077.798	-	(42.530.077.798)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.102.885.896)	(115.187.386)	(10.218.073.282)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(175.000.000.000)	-	(175.000.000.000)
Tăng khác	-	-	-	170.802.403	179.197.597	-	350.000.000
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	40.575.357	-	901.134.677	-	941.710.034
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	700.000.000.000	56.454.368.091	71.796.710.583	-	149.916.309.024	36.703.764.654	1.014.871.152.352
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	77.721.509.877	1.858.169.595	79.579.679.472
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	251.896	115.187.386	115.439.282
Tăng khác	-	-	-	-	170.802.403	-	170.802.403
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	(168.244.064)	(115.051.706)	(283.295.770)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	56.454.368.091	71.796.710.583	-	227.640.629.136	38.562.069.929	1.094.453.777.739
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	27.886.419.668	2.294.319.868	30.180.739.536
Phân bổ vào các quỹ	-	-	20.184.560.000	-	(20.184.560.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(7.976.694.832)	(98.636.168)	(8.075.331.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(175.000.000.000)	-	(175.000.000.000)
Điều chỉnh lãi trong các công ty liên kết liên quan tới kỳ trước	-	-	24.148.400	-	80.929.511	-	105.077.911
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	56.454.368.091	92.005.418.983	-	52.446.723.483	40.757.753.629	941.664.264.186

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là 175.000 triệu đồng (2015: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 là 175.000 triệu đồng).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán điện	197.558.066.463	331.137.232.437
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	3.573.614.749	3.280.980.083
	201.131.681.212	334.418.212.520

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Giá vốn sản xuất điện	111.369.300.781	139.878.717.543
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	2.487.031.009	2.010.473.069
	113.856.331.790	141.889.190.612

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	16.711.970.906	13.301.449.652
Khác	3.467.994.400	-
	20.179.965.306	13.301.449.652

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	20.074.646.967	13.421.345.831
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	41.704.620.465	-
	<hr/>	<hr/>
	61.779.267.432	13.421.345.831

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhân công	5.816.254.891	7.481.319.542
Chi phí dự phòng	-	1.160.031.935
Thuế, phí và lệ phí	60.944.648	3.009.260.015
Trích lập Quỹ khoa học và Công nghệ	-	5.082.918.899
Chi phí khác	5.677.630.283	6.650.464.379
	<hr/>	<hr/>
	11.554.829.822	23.383.994.770

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.066.990.535	2.734.094.443
Chi phí nhân công	14.695.090.239	19.247.087.528
Chi phí khấu hao	66.969.956.415	69.797.938.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.371.726.737	3.112.045.018
Chi phí sửa chữa lớn	13.099.755.123	22.667.033.852
Chi phí khác	26.208.092.563	47.714.986.383
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.677.191.004	36.464.228.951
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(12.000.000)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.665.191.004	36.464.228.951

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.845.930.540	169.141.768.930
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.969.186.108	37.211.189.165
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(2.331.759.154)	(814.074.811)
Chi phí không được khấu trừ thuế	27.764.050	67.114.597
	4.665.191.004	36.464.228.951

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

Các công ty con của Nhóm Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	27.886.419.668	131.257.846.566
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	27.886.419.668	131.257.846.566

(*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 70.000.000 cổ phiếu.

32. Các công cụ tài chính

(a) **Quản lý rủi ro tài chính**

(i) *Tổng quan*

Các loại rủi ro mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	25.567.482.170	19.396.587.355
Các khoản tương đương tiền	(i)	32.726.064.131	136.244.694.774
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	481.003.572.805	441.352.656.116
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần	(ii)	92.411.671.985	63.646.485.115
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(ii)	203.000.000	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác – thuần	(ii)	50.260.250.557	37.823.758.648
Phải thu về cho vay dài hạn	(ii)	812.000.000	1.015.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	-	10.684.250.022
		682.984.041.648	710.366.432.030

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác

Phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu liên quan và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu từ các bên liên quan được xem là tương đối nhỏ do lịch sử thu hồi các khoản phải thu của Nhóm Công ty nằm trong giới hạn thời gian có thể chấp nhận được. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Nhóm Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Nhóm Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2015.

Không có biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng		Hơn 5 năm VND
			1 năm VND	2 – 5 năm VND	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.022.053.514	16.022.053.514	-	-	-
Phải trả người lao động	8.295.796.289	8.295.796.289	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.569.057.392	8.569.057.392	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	17.004.092.860	17.004.092.860	-	-	-
Vay ngắn hạn	98.024.365.921	101.039.308.424	-	-	-
Vay dài hạn	400.773.544.850	545.685.637.098	69.364.140.684	285.979.150.918	116.961.299.882
	548.688.910.826	696.615.945.577	220.294.449.163	285.979.150.918	116.961.299.882
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng		Hơn 5 năm VND
			1 năm VND	2 – 5 năm VND	
Phải trả người bán ngắn hạn	24.252.397.446	24.252.397.446	-	-	-
Phải trả người lao động	19.949.207.506	19.949.207.506	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.887.057.647	7.887.057.647	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	20.469.731.231	20.469.731.231	-	-	-
Vay ngắn hạn	30.350.025.691	30.662.175.048	-	-	-
Vay dài hạn	416.978.206.932	560.347.600.495	60.228.372.373	232.847.812.041	194.242.901.218
	519.886.626.453	663.568.169.373	163.448.941.251	232.847.812.041	194.242.901.218

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	32.726.064.131	136.244.694.774
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	481.003.572.805	441.352.656.116
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn	203.000.000	203.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn	812.000.000	1.015.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	-	10.684.250.022
	<hr/>	<hr/>
	514.744.636.936	589.499.600.912
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	25.567.482.170	19.396.587.355
▪ Vay ngắn hạn	(98.024.365.921)	(30.350.025.691)
▪ Vay dài hạn	(400.773.544.850)	(416.978.206.932)
	<hr/>	<hr/>
	(473.230.428.601)	(427.931.645.268)

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 3.786 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Nhóm Công ty (2015: 4.895 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	59.452.797.617	157.626.036.758
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – ngắn hạn (*)	481.003.572.805	441.352.656.116
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần (*)	92.411.671.985	63.646.485.115
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	203.000.000	203.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn (*)	812.000.000	1.015.000.000
▪ Phải thu ngắn hạn khác – thuần (*)	50.260.250.557	37.823.758.648
▪ Đầu tư vào các công ty liên kết (*)	23.348.452.858	18.300.846.972
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – thuần (*)	91.846.783.831	133.551.404.296
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – dài hạn (*)	-	10.684.250.022
	799.338.529.653	864.203.437.927
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán ngắn hạn (*)	(16.022.053.514)	(24.252.397.446)
▪ Phải trả người lao động (*)	(8.295.796.289)	(19.949.207.506)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	(8.569.057.392)	(7.887.057.647)
▪ Phải trả ngắn hạn khác (*)	(17.004.092.860)	(20.469.731.231)
▪ Vay ngắn hạn (*)	(98.024.365.921)	(30.350.025.691)
▪ Vay dài hạn (*)	(400.773.544.850)	(416.978.206.932)
	(548.688.910.826)	(519.886.626.453)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2015
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH		
Một Thành Viên		
Cổ tức đã trả	90.853.750.000	90.853.750.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Cổ tức đã trả	72.359.350.000	69.152.600.000
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu bán điện	161.128.020.997	311.227.190.667
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Doanh thu bán điện	21.137.665.783	19.910.041.770
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Doanh thu bán điện	15.292.379.683	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.743.460	-
Ban quản lý dự án thủy điện 6		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	226.894.531	-
Trung tâm Công nghệ thông tin - chi nhánh		
Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Mua hàng hóa dịch vụ	80.200.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	463.800.000	372.600.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chuyển lãi tiền gửi thành tiền gửi có kỳ hạn	3.575.000.000	-

35. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Doanh thu bán điện của Nhóm Công ty phụ thuộc vào biến động mùa vụ do kết quả của điều kiện thời tiết. Cụ thể, việc sản xuất điện phụ thuộc trực tiếp vào lượng mưa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc